

PHỤ LỤC 22c
DANH MỤC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CHUYÊN DỤNG CHO PHÒNG THỰC TẬP, THỰC HÀNH
Có nguyên giá từ 200 triệu đồng trở lên

(Đính kèm theo Mẫu số 22 - Thông báo công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học năm học 2008 - 2009)

| TT | Tên Thiết bị thí nghiệm chuyên dùng | Năm sản xuất | Nước sản xuất | Model và Thông số kỹ thuật cơ bản | Đơn vị quản lý |
|----|--|--------------|---------------|---|----------------------------|
| 1 | Máy thử vạn năng | 2000 | Trung Quốc | Model: WE-1000B; >1000KN; Độ chính xác +/- 1%; Công suất 1500W | Bm.Kỹ thuật xây dựng |
| 2 | Máy cắt gỗ liên hợp Winterste | 2003 | Đức | Model: HEGE 44; Loại liên hợp | Bm.Kỹ thuật xây dựng |
| 3 | Hệ thống xác định độ căng nén | 2005 | Mỹ | Model: 95D/Com-Ten; Capacity 270/kg; Speed range; 1.5 - 762mm/min; Giao diện RS232 | Khoa Công nghệ |
| 4 | Thiết bị sấy băng vi sóng (Microwave Vacuum Dryer) | | Đức | Model: Ware Vac 0150-1C; Tần số 2450MHZ | Khoa Công nghệ |
| 5 | Tủ sấy chân không (Vacuum Dryer) | 2006 | Úc | Model: VO5 | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |
| 6 | Dụng cụ đo tốc độ vòng quay, mômen trụ (Torque transducer) | 2006 | Denmark | Đo tốc độ vòng quay, moment trụ | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |
| 7 | Hệ thống cô đặc nước ép trái cây (Cooking and concentration unit) | 2006 | Pháp | Model: GPA-CC1 | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |
| 8 | Hệ thống làm khô lạnh Bench Top (Freeze dryer System) | 2006 | Mỹ | Model: 4K-XL | Bm.Công nghệ thực phẩm |
| 9 | Thiết bị giảng dạy hệ thống lạnh cơ bản (Refrigeration Study Unit) | 2006 | Mỹ | Model: H-RST-2; Công suất tổng 1800W; Power supply: 220VAC/50Hz; Accessories: Electrical fault package, Leak detector package | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |
| 10 | Thiết bị giảng dạy hệ thống lạnh công nghiệp cơ bản (Commercial Refrigeration Trainer) | 2006 | Mỹ | Model: H-CRT-1; Công suất tổng 1800W; Power supply: 220VAC/50Hz; Accessories: Mechanical fault package, Electrical fault package, Computer data logging, PC set | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |

| | | | | | |
|----|--|------|-------------|---|----------------------------|
| 11 | Thiết bị lạnh công nghiệp (Industrial Refrigeration Trainer) | 2006 | Mỹ | Model: H-IRT-1; Power supply: 220VAC/50Hz; Accessories: Mechanical fault package, Electrical fault package, Leak detector statek C, 10956 charging station; Recovery station PLUS 8 | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |
| 12 | Mô hình truyền dẫn nhiệt (Conduction Heat Transfer Unit TSTCC) | 2006 | Tây Ban Nha | Model: TSTTC; Linear, Radial heat | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |
| 13 | Mô hình truyền nhiệt đối lưu (Convection Heat Transfer Unit TSTCC) | 2006 | Tây Ban Nha | Model: TSTCC; Convection; Power supply 220V single phase, 50Hz | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |
| 14 | Mô hình hệ thống bức xạ (Radiation Heat Transfer Unit TSTCC) | 2006 | Tây Ban Nha | Model: TSTCC; Laws of radiant Heat transfer and radiant heat Exchange module; Radiation errors in temperature measurement module | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |
| 15 | Máy toàn đạc điện tử | 2000 | Nhật Bản | Model: SET2010-Sokkia | Bm.Kỹ thuật xây dựng |
| 16 | Bàn thử công suất động cơ | 2002 | Đức | Model: TelC; Công suất 75W; Kết nối máy tính; Động cơ Diesel | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |
| 17 | Hệ thống dạy học băng động cơ | 2002 | Đức | Model: TelC; Phun xăng 4 kỳ; 3000-4500 vòng/phút | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |
| 18 | Máy sấy phun LabPlant | 2002 | Anh | Model: SD-05 | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |
| 19 | Máy tạo viên Daesung Chemical | 2002 | Đại Hàn | Model: DGM-60 | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |
| 20 | Hệ thống kiểm định ô tô | 2002 | Đức | Video 2010 | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |
| 21 | Máy đo và kiểm tra lắp đặt | 2002 | Đan Mạch | Model: 618M-DSP; KT góc đặt bánh xe | Bm.Máy nông nghiệp & CNSTH |
| 22 | Máy dò khuyết tật kim loại siêu âm | 2003 | Nhật Bản | Model: 3213EX; 16 module | Bm.Kỹ thuật cơ khí |
| 23 | Hệ thống cầu công trục 5 tấn DOYUAN | 2004 | Việt Nam | 380V; 50Hz; Palan công trục dầm đôi; 2 moteur | Bm.Kỹ thuật xây dựng |
| 24 | Hệ thống khung thử tải kết cấu công trình | 2004 | Việt Nam | 5 tấn | Bm.Kỹ thuật xây dựng |
| 25 | Bộ thí nghiệm an toàn và điều khiển nồi hơi | 2004 | Đức | Model: ET860; 2 module | Bm.Kỹ thuật cơ khí |
| 26 | Máy ép nóng (Lab Press) PANS TONE | 2007 | Đài Loan | Model: P100-PCD; Ép tối đa 100 tấn; làm việc 80 tấn; Kích thước mặt ép: W 400 x L 400 mm; Độ đồng nhất nhiệt độ 2 mặt ép: ± 4 độ C; Khoảng mở giữa 2 mặt ép tối đa: 180mm. | Bm.Công nghệ hóa |

Cần Thơ, ngày tháng 12 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG